

Bản án số: **121/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15 – 8 - 2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Sương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu

2. Bà Linh Thị Ngọc Thạch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm: 1985

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Nguyễn Đại N**, sinh năm: 1983

ĐKTT: Ấp T, xã X, huyện X, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Hiện nay đang chấp hành án tại Đội 8, Phân trại 02, Trại giam Xuân Lộc.

*(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trần Thị Kim L** trình bày: Chị và anh **Trần Nguyễn Đại N** tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau; anh N ham chơi, không tu chí làm ăn, không chung thủy với chị. Anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Vào năm 2019, chị nhận

được tin anh N bị bắt vì tội mua bán trái phép chất ma túy và đang phải chấp hành án tại Trại giam Xuân Lộc. Nay chị không còn tình cảm gì với anh N nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là Trần Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 08/6/2009 và Trần Nguyễn Sơn V, sinh ngày 01/10/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Nguyễn Đại N trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Trần Thị Kim L về điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống anh chị không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên, hiện nay anh phải chấp hành án phạt tù 20 năm (đã chấp hành được 3,5 năm), nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao 02 con chung là Trần Nguyễn Kim Ng và Trần Nguyễn Sơn V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng; anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định pháp luật về tố tụng. Các đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim L: chị L được ly hôn với anh N; đề nghị giao 02 con chung là Trần Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 08/6/2009 và Trần Nguyễn Sơn V, sinh ngày 01/10/2015 cho chị L nuôi dưỡng, đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N; Tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Kim L, anh Trần Nguyễn Đại N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị L, anh N tại phiên tòa là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh N tự nguyện kết hôn năm 2008, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định tại Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu của nguyên đơn nhận thấy: Chị L cho rằng quá trình chung sống anh chị không có hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thiếu tôn trọng nhau; anh

N ham chơi, không tu chí làm ăn, không chung thủy với chị. Anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2015 đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị không còn tình cảm gì với anh N nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy nhiên, hiện nay anh đang phải chấp hành án 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy tại Trại giam Xuân Lộc nên anh đồng ý ly hôn. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của anh N, chấp nhận cho chị L được ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Kim L có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 08/6/2009 và Trần Nguyễn Sơn V, sinh ngày 01/10/2015. Xét thấy, anh N đang phải chấp hành án, không đủ điều kiện nuôi con, do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên giao cháu Ng và cháu V cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

Chị L tạm thời không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh N trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

*Tuyên xử:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim L.

1. Chị Trần Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Nguyễn Đại N.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 22/4/2008 do Ủy ban nhân dân Phường 3, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho chị Trần Thị Kim L và anh Trần Nguyễn Đại N không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Nguyễn Kim Ng, sinh ngày 08/6/2009 và Trần Nguyễn Sơn V, sinh ngày 01/10/2015 cho chị Trần Thị Kim L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Kim L tạm thời không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Anh Trần Nguyễn Đại N được quyền thăm nom con chung, nhưng không được gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Trần Thị Kim L.

Khi có lý do chính đáng, chị Trần Thị Kim L và anh Trần Nguyễn Đại N có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu số 0006508 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc được chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Kim L, anh Trần Nguyễn Đại N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND [phường 3](#);
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thị Sương**